

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Bản án số: 70/2024/DS-ST

Ngày 06 - 9 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc.

Bà Trần Thị Mộng Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh H - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2024/TLST-DS ngày 19/4/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-DS ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lương Minh N, sinh năm 1972 và bà Lương Thị T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: D, tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N: Bà Lương Thị T, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: D, tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị H1, sinh năm 1982 và ông Đỗ Văn C, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: D, tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lương Minh N, bà Lương Thị T trình bày:

Vào ngày 17/8/2022, vợ chồng ông Lương Minh N và bà Lương Thị T cho vợ chồng ông Đỗ Văn C và bà Trần Thị H1 vay số tiền 3.900.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Ngô Văn T1; thời hạn vay là 11 tháng, kể từ ngày 17/8/2022; Lãi suất: tính theo lãi suất của ngân hàng N1; Phương thức trả lãi: trả hàng tháng vào ngày 17 hàng tháng.

Tính đến ngày 16/5/2023 vợ chồng ông C, bà H1 trả được cho ông N, bà T số tiền gốc 2.800.000.000 đồng, từ tháng 6/2023 đến nay thì vợ chồng ông C, bà H1 không trả cho vợ chồng ông N thêm số tiền lãi, gốc nào nữa. Vợ chồng ông N, bà T đã nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà tìm ông C, bà H1 yêu cầu trả số tiền còn nợ nhưng vợ chồng ông C, bà H1 trốn tránh, không gặp mặt, không nghe điện thoại và không trả nợ cho vợ chồng ông N, bà T.

Vì vậy, ông N, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Điền giải quyết nội dung sau: Buộc vợ chồng ông Đỗ Văn C và bà Trần Thị H1 trả lại cho vợ chồng ông Lương Minh N và bà Lương Thị T số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi là 1,5%/tháng kể từ ngày 16/5/2023 cho đến ngày 16/8/2024.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Trần Thị H1 và ông Đỗ Văn C lên Tòa làm việc nhưng bà H1, ông C cố tình né tránh nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Buộc bị đơn trả 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu) và tiền lại từ ngày 16/5/2024 đến ngày 16/8/2024 là 15 tháng, lãi xuất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc bị đơn trả số tiền đã vay nên căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng vay:

Do là hàng xóm quen biết nhau nên ngày 17/8/2022, tại Văn phòng C1, ông Lương Minh N và bà Lương Thị T đã ký hợp đồng vay tiền với ông Đỗ Văn C và bà Trần Thị H1. Theo đó vợ chồng ông N, bà T đã cho vợ chồng ông C, bà H1 vay số tiền 3.900.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 17/8/2022.

Lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng N1.

Phương thức trả lãi: Trả hàng tháng vào ngày 17 của tháng.

Nhận thấy, hợp đồng vay được lập thành văn bản, đã được công chứng theo quy định, có đầy đủ chữ ký của các bên, tại thời điểm ký thì các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung của hợp đồng tuân thủ theo quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

- Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng:

Theo hợp đồng vay tiền ngày 17/8/2022 thì vợ chồng ông N, bà T cho vợ chồng ông C, bà H1 vay số tiền 3.900.000.000 đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng thì hai bên đã tiến hành giao nhận tiền theo thoả thuận tại Điều 2 của hợp đồng vay nêu trên. Đến ngày 16/5/2023, bà H1 đã trả cho vợ chồng ông N bà T được số tiền 2.800.000.000 đồng theo giấy tay ngày 16/5/2023, có chữ ký của bà H1, vợ chồng ông N, bà T và người làm chứng ông Trần Văn H2. Nguyên đơn ông N, bà T cũng xác nhận vợ chồng bà H1 đã trả được số tiền gốc 2.800.000.000

đồng nên xác định số tiền gốc vợ chồng bà H1 còn nợ vợ chồng ông Nhất là 1.100.000.000 đồng.

Theo hợp đồng vay tiền thì thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 17/8/2022, sau khi ký hợp đồng này thì các bên không ký bổ sung hay ký gia hạn thêm hợp đồng nào khác nên xác định thời hạn trả tiền của vợ chồng ông C, bà H1 là ngày 17/7/2023. Ngày 16/5/2023, vợ chồng ông C mới chỉ trả được số tiền nợ gốc là 2.800.000.000 đồng nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó việc nguyên đơn ông N, bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông C, bà H1 phải trả số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng còn thiếu là phù hợp.

Xét thấy: Căn cứ vào Điều 1 của hợp đồng vay tiền thì hai bên thoả thuận lãi suất cho vay theo lãi suất của Ngân hàng N1 và phương thức trả lãi là vào ngày 17 hàng tháng. Như vậy đây là trường hợp vay có lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của bà T thì từ khi vay đến nay vợ chồng bà H1 mới chỉ trả cho vợ chồng bà T 2 tháng tiền lãi. Như vậy, đã quá hạn trả nợ nhưng bên vay là vợ chồng ông C, bà H1 chưa trả tiền lãi cho bên cho vay là vợ chồng ông N, bà T nên việc vợ chồng ông N yêu cầu vợ chồng ông C trả tiền lãi là phù hợp.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng, tương đương 18%/năm. Tuy nhiên các bên chỉ thoả thuận lãi theo lãi suất ngân hàng chứ không xác định rõ lãi suất là bao nhiêu. Quá trình tố tụng, bị đơn không hợp tác, không tham gia nên không xác định được các bên thoả thuận cụ thể theo mức nào. Việc nguyên đơn đưa ra mức tính lãi 1,5%/tháng là không phù hợp với thoả thuận về lãi suất trong hợp đồng vay. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được xác định là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng.

Thời điểm trước ngày 16/5/2023 nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 50.000.000 đồng trên số tiền nợ gốc 3.900.000.000 đồng là thấp hơn rất nhiều so với quy định, có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Còn tiền lãi từ 16/5/2023 đến 16/8/2024 trên số tiền gốc còn lại 1.100.000.000 đồng sẽ được tính là: $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 136.950.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi: 186.950.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông C bà H1 phải trả cho nguyên đơn ông N, bà T số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi là 186.950.000 đồng. Tổng cộng: 1.286.950.000đ

[4] Về án phí DSST:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông C, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 49.580.900 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm tám mươi ngàn chín trăm đồng).

H3 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Minh N và bà Lương Thị T.

- Buộc ông Đỗ Văn C và bà Trần Thị H1 phải trả cho ông Lương Minh N và bà Lương Thị T số tiền 1.286.950.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi là 186.950.000 đồng.

Kể từ ngày bên được THA có đơn yêu cầu THA cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải THA còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Văn C và bà Trần Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 49.580.900 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm tám mươi ngàn chín trăm đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Lương Minh N và bà Lương Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004490 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHADS huyện Long Điền ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trường Mạnh